

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

**VIỆC TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN
CỦA NỮ MẠI DÂM VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI
(NGHIÊN CỨU TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐỒ SON THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 60.90.01.01

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Trà Vinh

Hà Nội - 2016

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ	6
MỞ ĐẦU	7
1. Lý do chọn đề tài.....	7
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:	8
2.1. Các nghiên cứu nước ngoài:	9
2.2. Các nghiên cứu trong nước:	11
3. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn	13
3.1. Ý nghĩa lý luận	13
3.2. Ý nghĩa thực tiễn	13
4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	13
4.1. Mục đích nghiên cứu	13
4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	14
5. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu	14
5.1. Đối tượng nghiên cứu	14
5.2. Khách thể nghiên cứu.....	14
5.3. Phạm vi nghiên cứu.....	15
6. Phương pháp nghiên cứu	15
6.1. Phương pháp luận.....	15

6.2. Phương pháp thu thập thông tin	15
6.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu:	15
6.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu.....	16
6.2.3. Phương pháp quan sát.	17
6.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm.	17
6.2.5. Phương pháp điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến	18
7. Giả thuyết nghiên cứu	19
7.1. Giả thuyết 1:.....	19
7.2. Giả thuyết 2:.....	19
7.3. Giả thuyết 3:.....	20
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỦA NỮ BÁN DÂM	21
1.1. Các khái niệm liên quan:	21
1.1.1. Khái niệm mại dâm:	21
1.1.2. Khái niệm Nữ bán dâm:	22
1.1.3. Khái niệm dịch vụ chăm sóc sức khỏe	22
1.1.4. Khái niệm Sức khỏe sinh sản và Chăm sóc sức khỏe sinh sản	22
1.1.5. Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản:	23
1.1.6. Khái niệm vai trò của công tác xã hội:.....	24
1.2. Các lý thuyết ứng dụng:	25
1.2.1. Thuyết nhu cầu	25
1.2.2. Thuyết trao đổi xã hội:	Error! Bookmark not defined.

1.2.3. Thuyết học tập xã hội:	Error! Bookmark not defined.
1.3. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu:	Error! Bookmark not defined.
1.3.1. Khái quát về thành phố Hải Phòng:	Error! Bookmark not defined.
1.3.2. Khái quát về Quận Đồ Sơn	Error! Bookmark not defined.
1.4. Quan điểm về công tác phòng, chống mại dâm.	Error! Bookmark not defined.
1.4.1. Quan điểm của Đảng và nhà nước về công tác phòng, chống mại dâm	Error! Bookmark not defined.
1.4.2. Quan điểm của thành phố Hải Phòng trong công tác phòng, chống mại dâm	Error! Bookmark not defined.
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	Error! Bookmark not defined.
2.1. Thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm	Error! Bookmark not defined.
2.2. Một vài đặc điểm của mẫu nghiên cứu tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	Error! Bookmark not defined.
2.2.1. Trình độ học vấn	Error! Bookmark not defined.
2.2.2. Độ tuổi nữ bán dâm	Error! Bookmark not defined.
2.2.3. Hoàn cảnh gia đình của nữ bán dâm	Error! Bookmark not defined.
2.3. Nhận thức của nữ bán dâm.	Error! Bookmark not defined.
2.3.1. Kiến thức của bản thân về SKSS	Error! Bookmark not defined.
2.3.2. Hiểu biết về pháp luật	Error! Bookmark not defined.
2.4. Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của nữ bán dâm tại Quận Đồ Sơn	Error! Bookmark not defined.

2.4.1. *Đánh giá dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản***Error! Bookmark not defined.**

2.4.2. *Nữ bán dâm tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản***Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....**Error! Bookmark not defined.**

Chương 3: HỖ TRỢ NỮ BÁN DÂM TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI
.....**Error! Bookmark not defined.**

3.1. *Đánh giá chung các hoạt động hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nữ mại dâm.***Error! Bookmark not defined.**

3.1.1. *Những mặt đạt được.....***Error! Bookmark not defined.**

3.1.2. *Những hạn chế***Error! Bookmark not defined.**

3.2. *Đánh giá vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nữ bán dâm tại Quận Đồ Sơn.***Error! Bookmark not defined.**

3.2.1. *Tư vấn truyền thông:***Error! Bookmark not defined.**

3.2.2. *Các can thiệp dự phòng tư vấn về sức khỏe sinh sản***Error! Bookmark not defined.**

3.2.3. *Hỗ trợ tâm lý, giáo dục***Error! Bookmark not defined.**

3.2.4. *Hỗ trợ thay đổi công việc.....***Error! Bookmark not defined.**

3.3. *Một số khuyến nghị***Error! Bookmark not defined.**

3.3.1. *Đối với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chính sách.....***Error! Bookmark not defined.**

3.3.2. Đối với các Ban, ngành đoàn thể tại thành phố Hải Phòng và Quận Đồ Sơn.....	Error! Bookmark not defined.
3.3.3. Đối với các Trung tâm cung cấp dịch vụ.....	Error! Bookmark not defined.
3.3.4. Đối với tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm.....	Error! Bookmark not defined.
KẾT LUẬN.....	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	26

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSSKSS	Chăm sóc sức khỏe sinh sản
HIV/AIDS	Bệnh suy giảm miễn dịch xảy ra ở người
LĐTBXH	Lao động – Thương binh và Xã hội
NGO	Tổ chức phi chính phủ
PCTNXH	Phòng, chống tệ nạn xã hội
STIs	Bệnh lây truyền qua đường tình dục
UBND	Ủy ban Nhân dân
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

1. Danh mục bảng

Bảng 2.1: Lý do hoạt động mại dâm của nữ bán dâm được điều tra

Bảng 2.2: Thống kê số con của nữ bán dâm được điều tra

Bảng 2.3: Sự hiểu biết của nữ bán dâm về sức khỏe sinh sản

Bảng 2.4: Nơi khám và điều trị bệnh STIs

Bảng 2.5: Những vấn đề bất ổn về tinh thần

2. Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 2.1: Trình độ học vấn nhóm nữ bán dâm được điều tra

Biểu đồ 2.2: Độ tuổi người bán dâm tại Đồ Sơn, Hải Phòng

Biểu đồ 2.3. Hiểu biết của người bán dâm về pháp luật

Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ lây nhiễm bệnh qua đường tình dục của nữ bán dâm

Biểu đồ 2.5: Tần suất khám sức khỏe của nữ bán dâm

Biểu đồ 2.6: Những vấn đề tâm lý gặp phải ở người hoạt động mại dâm

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thực hiện Quyết định số 679/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 về Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hầu hết các tỉnh, thành phố đã được Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn và hỗ trợ triển khai các hoạt động tiếp cận chăm sóc sức khỏe cho người bán dâm. Các Trung tâm phòng chống HIV/AIDS ở một số tỉnh, thành phố có tỉ lệ cao về số người nhiễm HIV.

Hoạt động mại dâm vẫn diễn ra tương đối phức tạp và số lượng người tham gia vào hoạt động mại dâm vẫn tăng, tỷ lệ người lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục mà đặc biệt là lây nhiễm HIV/AIDS qua con đường tình dục còn cao; tỷ lệ người bán dâm bị bạo hành và phân biệt đối xử vẫn còn khá cao. Tại các địa phương như Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là một trong những điểm có số lượng người tham gia hoạt động mại dâm tương đối cao trong cả nước với hàng nghìn người. Từ những thực tế trên cần có các hoạt động tiếp cận chăm sóc sức khỏe và tái hòa nhập cộng đồng cho người bán

dâm nhằm giảm các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STIs), lây nhiễm HIV/AIDS.....

Tại Việt Nam mại dâm là bất hợp pháp và bị nghiêm cấm dưới mọi hình thức, tuy nhiên mại dâm vẫn luôn tồn tại như một tất yếu của xã hội và những hệ lụy mà nó gây ra ảnh hưởng không nhỏ tới các vấn đề phát triển kinh tế xã hội của quốc gia đặc biệt kéo theo các hệ lụy của xã hội như các bệnh lây nhiễm STIs, HIV/AIDS... Những dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho những đối tượng yếu thế lại chưa được tiếp cận hiệu quả, mới chỉ mang tính hình thức và bước đầu thí điểm tại một số địa phương, do đó cần phải có thời gian để đánh giá hiệu quả của các dịch vụ.

Chính vì những lý do trên, để giúp người bán dâm có thể tự bảo vệ mình và tiếp cận các dịch vụ xã hội chăm sóc sức khỏe và phòng, chống các đại dịch bệnh HIV/AIDS cho bản thân và cho cộng đồng Tôi mạnh dạn chọn đề tài "**Việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của nữ mại dâm và vai trò của công tác xã hội (Nghiên cứu trên địa bàn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng)**".

Dựa trên kết quả đối với những người được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và những người chưa được tiếp cận nhằm đánh giá đưa ra một số khuyến nghị giúp cho các hoạt động tiếp cận sau này mang lại hiệu quả và nhân rộng các hoạt động trong tương lai áp dụng các bài học rút ra từ các hoạt động này.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:

Phòng, chống mại dâm nói chung và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ bán dâm, người làm việc tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm nói riêng là vấn đề được các cấp chính quyền, đoàn thể thành phố Hải Phòng đặc biệt quan tâm trong những năm vừa qua.

Để thực hiện tốt công tác phòng, chống mại dâm Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội thành phố Hải Phòng được sự chỉ đạo của Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các tổ chức quốc tế như tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam, Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (SCDI), Quỹ Dân số Liên hợp Quốc (UNFPA) ... tổ chức xây dựng các mô hình cũng như thực hiện các hoạt động can thiệp, giảm tác hại cho người bán dâm tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Thông qua hoạt động xây dựng mô hình hỗ trợ, giảm hại, chính quyền thành phố sẽ tổng kết và đưa ra những chính sách thiết thực để thực hiện công tác phòng, chống mại dâm được hiệu quả.

2.1. Các nghiên cứu nước ngoài:

Mại dâm là một vấn đề khá nổi cộm trong xã hội nhưng do tính chất nhạy cảm của vấn đề nên hiện nay vẫn còn khá ít những công trình nghiên cứu trong và nước ngoài về lĩnh vực này.

Nghiên cứu Cơ sở pháp lý, quyền con người và phòng, chống HIV đối với người hành nghề mại dâm ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương do Trung tâm Khu vực châu Á – Thái Bình Dương UNDP tháng 8 năm 2011. Nghiên cứu này đã đưa ra cái nhìn tổng quan về chính sách đối với hoạt động mại dâm và những nỗ lực cải thiện chính sách của các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có nhận định về chính sách phòng, chống mại dâm ở Việt Nam.

Luận án tiến sĩ: “Tính kinh tế của tình dục và chặn gôỉ tại Việt Nam” của TS. Kimberly Hoàng. Trên cơ sở nghiên cứu điền dã tại TP Hồ Chí Minh; Ts. Kimberly Hoàng đã làm việc như một chiêu đãi viên tại bốn quán bar phục vụ cho các nhóm khách hàng khác nhau. Theo giáo sư xã hội học Berkeley Raka Ray, chủ tịch ủy ban luận án, nghiên cứu của Kimberly Hoàng

“không những chỉ làm nổi bật là cấu trúc và cách hành nghề mại dâm ở Việt Nam mà còn giải thích mại dâm giữ vai trò quan trọng như tiền mặt trong nền kinh tế chính trị của Việt Nam.”

“Tomie Ishida – Câu chuyện của một gái mại dâm đồng tính tại Mỹ” đây là đề tài kinh tế thuộc những nghiên cứu về phụ nữ tại Mỹ giai đoạn 1993-1994. Công trình nghiên cứu này là bài viết của một người phụ nữ bán dâm đồng tính tại Canada, dưới cái nhìn của một người vẫn đang hoạt động mại dâm để nhìn nhận về nguyên nhân làm mại dâm, những khó khăn trong quá trình bán dâm của những người bán dâm nói chung và của người đồng tính nói riêng và những cản trở từ việc ban hành và thực thi pháp luật tại Canada. Qua bài viết này, chúng ta có thể cảm nhận được những vấn đề khó khăn mà người bán dâm thường phải đối mặt, ngay cả khi họ hoạt động mại dâm tại một đất nước không coi mại dâm là một hoạt động vi phạm pháp luật và từ đó tìm ra những biện pháp hỗ trợ thích hợp cho người bán dâm tại Việt Nam.

Bài viết “Mại dâm theo nhu cầu- hợp pháp hóa người mua dâm như khách hàng tình dục” của Janice G.Raymond – Giám đốc điều hành của Liên minh chống buôn bán phụ nữ (CATW) thuộc Hội đồng kinh tế xã hội Liên hợp Quốc. Bài viết này đã đưa ra giả thuyết giải thích tại sao người đàn ông mua dâm và không cho rằng chỉ nhu cầu của nam giới đối với tình dục mại dâm thúc đẩy việc buôn bán người, mại dâm và kinh doanh tình dục. Nhưng tác giả lại khẳng định nhu cầu của nam giới là một yếu tố quan trọng để mở rộng ngành kinh doanh tình dục trên toàn thế giới đồng thời duy trì khai thác thương mại tình dục và làm cho người mua dâm dễ dàng thoát khỏi sự kiểm tra, phân tích, chỉ trích và sự trừng phạt cho hành động của họ.

Bài phát biểu "Mại dâm và quyền dân sự" của tác giả Catharine A.Mackinton tại Hội nghị chuyên đề " Mại dâm: những nghiên cứu khoa học

đến hoạt động thực tiễn" được tổ chức vào 31/10/1992 tại trường đại học Luật Michigan. Bài phát biểu này đã nêu ra quyền dân sự của những người bán dâm và những khó khăn trong việc tiếp cận những quyền đó, những hạn chế của pháp luật đối với người bán dâm.

Bên cạnh những nghiên cứu trên, có một số nghiên cứu khác về mại dâm như: Antonian J.U (1996), "Gái mại dâm dưới con mắt nhà tâm lý học", đã nghiên cứu sâu nguyên nhân của tệ nạn mại dâm dưới góc độ tâm lý, xã hội của gái mại dâm, trên cơ sở đó tìm ra giải pháp phòng, chống mại dâm từ góc độ tâm lý, xã hội. Balars Gabrielle (1996), "Thị trường mại dâm", đã làm sáng tỏ toàn diện thực trạng mại dâm trên thế giới; chỉ rõ nguyên nhân của mại dâm và giải pháp phòng ngừa mại dâm của một số nước trên thế giới.

2.2. Các nghiên cứu trong nước:

Nghiên cứu Đặc điểm di biến động của người hoạt động mại dâm nhìn từ góc độ giới năm 2013. Nghiên cứu được thực hiện bởi Cục Phòng chống tệ nạn xã hội (Cục PCTNXH), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TB&XH), với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM), trong khuôn khổ chương trình được tài trợ bởi Quỹ thành tựu Thiên niên kỷ (MDG-F) của Liên hiệp quốc do Tây Ban Nha hỗ trợ và Chương trình Chung quốc gia về Bình đẳng giới giữa Chính phủ Việt Nam và Liên hiệp quốc. Nghiên cứu giúp mọi người có được sự hiểu biết tốt hơn về vai trò của yếu tố giới trong việc quyết định di cư của những người hoạt động mại dâm, và những khía cạnh mà di cư và giới có liên quan đến việc tham gia vào hoạt động mại dâm; lý do và khuôn mẫu di biến động của người hoạt động mại dâm (cả những người di cư và những người không di cư) cũng như khả năng dễ bị tổn thương do di biến động của họ, nhìn từ góc độ về giới. Từ đó đề xuất cụ thể về việc ban hành chính sách và xây dựng các chương trình can thiệp.

Đề tài cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng định hướng cho công tác phòng, chống tệ nạn xã hội đến năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2012. Đề tài đã chỉ ra được cơ sở lý luận và thực tiễn công tác phòng, chống mại dâm trong tình hình hiện tại và đưa ra một số định hướng trong thời gian tới.

Nguyên cứu tâm lý của phụ nữ tham gia mại dâm chưa đến tuổi vị thành niên năm 2003 do Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chỉ ra rằng đặc điểm tâm lý của trẻ em gái tuổi vị thành niên làm nghề mại dâm tác động của mại dâm đến đối tượng này và phương pháp ngăn ngừa sự tác động của mại dâm đến phụ nữ chưa đến tuổi vị thành niên.

Tài liệu dịch Các nghiên cứu quốc tế về phòng, chống mại dâm do Cục phòng, chống tệ nạn xã hội – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện năm 2013. Tài liệu cung cấp cho người đọc những thông tin về các biện pháp phòng, chống mại dâm tại một số nước ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Những phương pháp phòng, chống mại dâm nói chung và hỗ trợ người bán dâm nói riêng sẽ là kinh nghiệm để chúng ta học hỏi và áp dụng khoa học vào thực tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu Đánh giá nhu cầu hỗ trợ người bán dâm và tính phù hợp với mô hình thí điểm từ năm 2011-2014 do Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội phối hợp với tổ chức Plan vùng Hà Nội được thực hiện tại 5 tỉnh, thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Khánh Hoà, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh năm 2013. Nghiên cứu đã cho thấy những nhu cầu hiện tại của người hoạt động mại dâm cũng như những khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội và hòa nhập cộng đồng của họ.

Bộ tài liệu "Can thiệp giảm tác hại nhằm cải thiện tiếp cận và sử dụng dịch vụ sức khỏe sinh sản và HIV cho người bán dâm dành cho học viên và giảng viên do Cục phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội biên soạn năm 2014. Bộ tài liệu giúp cho cán bộ ngành Lao động – Thương binh và Xã hội tham khảo các thông tin về chương trình can thiệp giảm tác hại cho người bán dâm. Đồng thời các tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công tác xã hội cũng có thể sử dụng tài liệu này để tham khảo.

3. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

3.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm sáng tỏ một số lý thuyết Xã hội học và CTXH như: thuyết nhu cầu, thuyết vai trò, thuyết trao đổi xã hội...

3.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đối với Nhà nước: Kết quả nghiên cứu có thể giúp cho quá trình hoạch định, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, chiến lược về các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đặc biệt là những người hoạt động mại dâm.

Đối với địa phương: Nghiên cứu đánh giá được những mặt tồn tại, khó khăn, ưu nhược điểm trong quá trình hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho người hoạt động mại dâm tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Từ đó có thể nhân rộng mô hình nhằm từng bước hoàn thiện các dịch vụ can thiệp hỗ trợ đối tượng yếu thế và kiểm soát được những nguy cơ lây nhiễm các bệnh về tình dục và HIV tại thành phố Hải Phòng.

Đối với bản thân nhà nghiên cứu: Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu thực tế, nhà nghiên cứu có cơ hội áp dụng những lý thuyết và phương pháp đã được học vào thực tiễn cuộc sống, đặc biệt là những kỹ năng thực hành CTXH nói chung và CTXH nhóm nói riêng. Từ đó giúp nhà nghiên cứu nắm

vững kiến thức, rèn luyện kỹ năng và có thêm nhiều kinh nghiệm trong những nghiên cứu tiếp theo và quá trình công tác của bản thân.

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu để xây dựng khung lý thuyết.

Đánh giá thực trạng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của nữ bán dâm và vai trò của công tác xã hội trong các hoạt động tham vấn, kết nối...các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đến nhóm nữ bán dâm tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Đưa ra một số giải pháp và đề xuất hoàn thiện đảm bảo các hoạt động của các tiếp cận được triển khai một cách thuận lợi, đúng thời gian và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu các văn bản pháp luật về Mại dâm, dịch vụ, sức khỏe và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Tìm hiểu những quy định của Thành phố, Quận Đồ Sơn và Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội Hải Phòng về PCMD.

Thu thập thông tin, điều tra thực trạng về tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của nữ bán dâm tại Quận Đồ Sơn Thành phố Hải Phòng.

Đánh giá vai trò của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe sinh sản đến đối tượng là nữ bán dâm.

5. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Tiếp cận các dịch vụ và vai trò của Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe sinh sản của nữ bán dâm

5.2. Khách thể nghiên cứu

Nữ bán dâm tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Cán bộ của các ban ngành cấp Trung ương và cán bộ quản lý tại địa phương (Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội, Phòng Lao động – Thương binh và xã hội Quận Đồ Sơn).

Trung tâm y tế cung cấp dịch vụ CSSKSS, đại diện nhóm Hoa hồng đen, Nhóm Hoa trinh nữ tại Quận Đồ sơn, thành phố Hải Phòng.

Cán bộ Ban ngành Đoàn thể: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...

5.3. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của Nữ bán dâm.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Nghiên cứu sử dụng phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm nền tảng. Đồng thời, phương pháp luận lấy cơ sở là các lý thuyết xã hội học và công tác xã hội như: Thuyết nhu cầu, thuyết học tập xã hội, thuyết trao đổi xã hội...

6.2. Phương pháp thu thập thông tin

6.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu:

Phương pháp này là cần sưu tầm được đúng và đầy đủ các tài liệu cần thiết cho nội dung nghiên cứu, nó là phương pháp được dùng rất phổ biến vì không tốn nhiều chi phí và công sức điều tra thực tế mà vẫn có được lượng thông tin cần thiết cho nghiên cứu.

Việc phân tích tài liệu này vừa là minh chứng đúng đắn, thực tế của các nghiên cứu trước, mặt khác cung cấp cho tôi những kiến thức và kinh nghiệm để xây dựng báo cáo nghiên cứu của mình.

Với nghiên cứu này tôi chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích định tính để tìm ra những nội dung tư tưởng cơ bản của tài liệu, tìm ra những vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu và xác định xem những vấn đề gì được giải quyết và những vấn đề gì chưa được giải quyết. Thu thập các số liệu, các báo cáo của các cơ quan chức năng về công tác phòng, chống mại dâm và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nữ bán dâm tại Quận Đồ Sơn và các tài liệu liên quan khác... nhằm phục vụ cho vấn đề nghiên cứu một cách chính xác nhất.

6.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Đây là phương pháp thu thập thông tin thông qua hỏi và đáp. Người nghiên cứu đặt ra câu hỏi cho đối tượng khảo sát, sau đó ghi lại hoặc ghi âm lại những gì mà người nghiên cứu thu được. Phương pháp này được sử dụng để tìm hiểu sâu sắc về các phản ứng, suy nghĩ, thái độ tình cảm, quan điểm, chính kiến của đối tượng được phỏng vấn.

Phỏng vấn sâu là một trong những phương pháp thu thập thông tin qua hỏi đáp nhằm tìm hiểu cuộc sống, kinh nghiệm và nhận thức của người cung

cấp thông tin. Người điều tra đặt câu hỏi cho đối tượng được khảo sát sau đó ghi chép vào phiếu hoặc sẽ tái hiện nó vào phiếu sau khi kết thúc cuộc phỏng vấn, hoặc người phỏng vấn ghi âm lại cuộc phỏng vấn, sau đó nghe lại và phân tích thông tin thu được. Ở đây người phỏng vấn và người cung cấp thông tin tiếp xúc trực tiếp với nhau. Các kết quả phỏng vấn sâu giúp cho người đọc hiểu rõ hơn, chi tiết hơn về các vấn đề liên quan và là minh chứng cụ thể, sinh động cho các số liệu nghiên cứu định lượng.

Phỏng vấn được sử dụng trong nghiên cứu này cho các đối tượng là những người có liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu đã nêu ở trên. Người nghiên cứu thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu đối với 20 người tại các cơ quan, chính quyền, đoàn thể tại địa phương và nữ bán dâm:

- ✓ Nữ bán dâm: 10 người;
- ✓ Cán bộ Chi cục PCTNXH: 05 người;
- ✓ Cán bộ ban ngành, đoàn thể: 03 người.
- ✓ Cán bộ Y tế: 02 người;

Nội dung phỏng vấn được đính kèm trong bảng phụ lục và vấn đề được đặt ra bằng các câu hỏi liên quan tới những dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, các bệnh mà chị em mắc phải, những nhu cầu cần được chăm sóc về sức khỏe và những khó khăn gặp phải. Từ những câu hỏi được đặt ra sẽ thu được những kết quả cụ thể giúp bổ sung làm rõ vấn đề nghiên cứu.

6.2.3. Phương pháp quan sát.

Khi sử dụng phương pháp quan sát, sự thành công phụ thuộc vào sự nhạy cảm của người quan sát, thông tin chính xác và đầy đủ được ghi nhận từ người quan sát. Và nó là phương pháp phổ biến từ lâu đời để thu thập thông tin xã hội cần nghiên cứu, có thể nói quan sát xã hội học là quá trình tri giác và việc ghi chép mọi yếu tố có liên quan đến đối tượng nghiên cứu phù hợp

với đề tài và mục tiêu nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, nhà nghiên cứu đã tiến hành quan sát thái độ, cử chỉ của chị em hoạt động mại dâm. Đặc biệt là việc quan sát chị em trong quá trình sinh hoạt nhóm. Những quan sát này góp phần làm sáng tỏ thêm những kết quả nghiên cứu định lượng đã thu thập được.

6.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm.

Trong nghiên cứu này nhà nghiên cứu tiến hành họp nhóm tại Khu 3 Quận Đồ Sơn với số lượng 03 cuộc họp nhóm, bao gồm Nhóm Hoa trinh Nữ, Nhóm Bông hồng đen và Nhóm Câu lạc bộ chị em. Đây là 3 nhóm đồng đẳng viên của Quận Đồ Sơn, các trưởng nhóm đều là các chị em được thành lập từ trước do các Chương trình của các tổ chức Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) , Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (SCDI)..... hỗ trợ nhằm giúp tạo điều kiện cho các thành viên được tiếp cận về các dịch vụ của các chương trình giảm tác hại.

Các cuộc họp nhóm được tiến hành bên cạnh hoạt động phỏng vấn sâu chị em. Các vấn đề được đưa ra trong cuộc thảo luận nhóm từ đó tìm hiểu các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến xây dựng, triển khai, duy trì và mở rộng hoạt động tiếp cận về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho chị em. Hoạt động này sẽ giúp nhà nghiên cứu nắm bắt được mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm từ đó đánh giá được sự bền vững của nhóm.

6.2.5. Phương pháp điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến

Trong nghiên cứu này, nhà nghiên cứu đã thiết kế nội dung bảng hỏi đính kèm ở phần phụ lục nhằm mục đích thu thập thông tin phục vụ cho quá trình nghiên cứu .

Cách thức tiến hành trong quá trình nghiên cứu: Sử dụng phương pháp lựa chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện cho việc thu thập thông tin của đối tượng

nghiên cứu. Mẫu được chọn bằng cách phát ngẫu nhiên 100 bảng hỏi với tất cả đối tượng là nữ bán dâm. Họ là những người tham gia nhóm tự lực, nhóm đồng đảng của người hoạt động mại dâm trên địa bàn Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Hiện tại hoạt động của nhóm tự lực được thực hiện thường xuyên một tháng một lần dưới sự quản lý của Chi Cục phòng, chống tệ nạn xã hội thành phố Hải Phòng.

Kết quả thu được với số lượng phát ra như sau: Phát ra 100 bảng hỏi thu lại được 100 bảng hỏi hợp lệ với các nội dung cụ thể được đưa ra nhằm tìm hiểu các vấn đề của nữ mại dâm như về tuổi, hoàn cảnh gia đình, nhu cầu tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, những khó khăn gặp phải của Nữ mại dâm.

6.2.6. Phương pháp công tác xã hội

Nhà nghiên cứu đã sử dụng phương pháp CTXH làm việc với cá nhân, nhóm phụ nữ bán dâm (Nhóm đồng đảng). Vận dụng các kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, thấu cảm... để khai thác cảm xúc, tiếp xúc thu thập thông tin, giúp họ hiểu về vấn đề của bản thân, nhận thức về sự cần thiết của việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và tự họ sẽ nhìn nhận và đưa ra quyết định như thế nào trong việc tiếp cận với dịch vụ CSSKSS nhằm giảm thiểu những tác hại do bệnh gây ra.

7. Giả thuyết nghiên cứu

7.1. Giả thuyết 1:

Tình hình mại dâm ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển về kinh tế, văn hóa xã hội. Tại Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cũng là khu du lịch sầm uất của miền bắc đồng thời là địa bàn ven biển với các cảng biển, tàu thuyền qua lại thường xuyên với số lượng người đến đây ngày càng tăng

cao. Tệ nạn mại dâm tại đây ra tăng do đó đòi hỏi cần có các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giảm hại cho nữ bán dâm tại đây.

7.2. Giả thuyết 2:

Việc tiếp cận các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người bán dâm đặc biệt nữ mại dâm chưa đáp ứng được nhu cầu của họ. Họ gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề tiếp cận được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tình dục; Bản thân người bán dâm cũng chưa muốn tiếp cận đến những dịch vụ này do tâm lý còn e ngại, sự kỳ thị của cán bộ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ còn chưa thân thiện, thời gian đi khám mất nhiều, địa điểm xa hay những dịch vụ này chưa thực sự hiệu quả... Các dịch vụ này cần được cung cấp hiệu quả đáp ứng những nhu cầu của bản thân người bán dâm hay đảm bảo cho sự an toàn về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, các bệnh về sức khỏe sinh sản. Do đó đòi hỏi cần có các hoạt động tiếp cận chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người bán dâm hiệu quả.

7.3. Giả thuyết 3:

Việc tiếp cận các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe cho nữ mại dâm chưa được mang lại hiệu quả cao do nữ bán dâm tại đây hầu như chưa được tiếp cận tới các dịch vụ CSSKSS. Do đó cần có vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc kết nối nguồn lực, là người tư vấn về tâm lý... hỗ trợ cho nữ mại dâm được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại địa phương được hiệu quả.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỦA NỮ BÁN DÂM

1.1. Các khái niệm liên quan:

1.1.1. Khái niệm mại dâm:

Ở Việt Nam, theo *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm Số: 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 14 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:*

Mại dâm gồm có hành vi mua dâm, bán dâm, trong đó:

Bán dâm là hành vi giao cầu của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác.

Mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cầu.

Mại dâm là một hoạt động bất hợp pháp ở Việt Nam. Điều 4 Pháp lệnh Phòng chống mại dâm nghiêm cấm các hành vi mua dâm, bán dâm và những hành vi khác như chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm, lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm và các hành vi liên quan khác .

Đặc điểm quan trọng của mại dâm là hình thức cung cấp sự thỏa mãn về tình dục để đổi lấy tiền hoặc các giá trị vật chất . Nghiên cứu này tìm hiểu hình thức mại dâm sau: mại dâm nữ với nam . Như vậy, ta có thể thấy, khái niệm mại dâm được nhà nước ta đưa ra vẫn còn khá nhiều bất cập và thu hẹp phạm vi đối tượng mại dâm. Hành vi mại dâm không chỉ có giao cấu mà còn có các hình thức khác như kính dục, quan hệ qua đường miệng... Chính vì vậy mà khái niệm mại dâm chỉ được xác định khi có hành vi giao cấu là chưa hoàn toàn chính xác.

1.1.2. Khái niệm Nữ bán dâm:

Nữ bán dâm (gái bán dâm) là những phụ nữ phục vụ đàn ông thỏa mãn hành vi [tình dục](#) ngoài [hôn nhân](#) để được trả [tiền](#) hoặc được hưởng các lợi ích vật chất khác. *(Nguồn: Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)*

1.1.3. Khái niệm dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Chăm sóc sức khỏe là việc duy trì hoặc cải thiện sức khỏe qua việc chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa bệnh tật, thương tích, và suy yếu về thể chất và tinh thần trong con người. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được cung cấp bởi các chuyên gia y tế (các nhà cung cấp hoặc học viên) trong các ngành nghề liên minh sức khỏe, chỉnh hình, bác sĩ, bác sĩ công, nha khoa, hộ sinh, điều dưỡng, y học, đo thị lực, dược, tâm lý học, và ngành nghề y tế khác. *(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới)*

Trong mọi trường hợp, theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), một hệ thống chăm sóc sức khỏe có chức năng tốt đòi hỏi một cơ chế tài chính mạnh mẽ; một lực lượng lao động được đào tạo tốt và đầy đủ trả lương; thông tin đáng tin cậy để làm cơ sở quyết định và chính sách. Duy trì tốt cơ sở y tế và hậu cần để cung cấp thuốc men, máy móc công nghệ chất lượng.

1.1.4. Khái niệm Sức khỏe sinh sản và Chăm sóc sức khỏe sinh sản

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) **Sức khỏe sinh sản** là trạng thái khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và hòa hợp xã hội về tất cả các phương diện liên quan đến hệ thống sinh sản trong suốt các giai đoạn của cuộc đời. Chăm sóc SKSS là một tập hợp các phương pháp, kỹ thuật và dịch vụ nhằm giúp cho con người có tình trạng SKSS khỏe mạnh thông qua việc phòng chống và giải quyết những vấn đề liên quan đến SKSS. Điều này cũng bao gồm cả sức khỏe tình dục với mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống và mối quan hệ giữa con người với con người mà không chỉ dừng lại ở chăm sóc y tế và tư vấn một cách đơn thuần cho việc sinh sản và những nhiễm trùng qua đường tình dục.

Như vậy chăm sóc SKSS/SKTD đâu chỉ có vên vện khu trú ở cái bộ phận mà người ta thường nghĩ đến mà hơn thế rất nhiều, nó bao gồm cả việc giúp cho con người có được trạng thái tinh thần thoải mái và hòa hợp với xã hội. Chăm sóc sức khỏe sinh sản không chỉ có nghĩa là giúp cho người bệnh khỏi được những căn bệnh thực thể mà còn có nghĩa là giúp họ thoát khỏi những bế tắc về mặt tinh thần và có được những mối quan hệ lành mạnh, bao gồm cả những mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội.

1.1.5. Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản:

Tiếp cận là mức độ những gói dịch vụ hợp lý đến được và được sử dụng bởi những cá nhân ở một địa điểm nhất định nào đó. Tiếp cận có nhiều

phương diện khác nhau bao gồm phương diện vật chất, hành chính, kinh tế, nhận thức và tâm lý.

(Bertrend JK Herdec, RMagnani, and MAnghl. 1995 “Tiếp cận, chất lượng và các rào cản về y tế với các chương trình KHHGD” Tạp chí International Family Planning)

Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với nữ bán dâm là việc đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe sinh sản của họ

Một số dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nữ bán dâm cần thiết

- Được cung cấp thông tin về các dịch vụ y tế
- Được tiếp cận các dịch vụ y tế về
- + Tư vấn, xét nghiệm HIV và các bệnh lây truyền qua đường tình dục
- + Tham vấn trong quá trình
- + Điều trị ARV
- + Điều trị thay thế các chất gây nghiện (cho PNMD nghiện ma túy)...

1.1.6. Khái niệm vai trò của công tác xã hội:

Hiệp hội các nhân viên xã hội chuyên nghiệp của Mỹ cho rằng: “ Công tác xã hội là một hoạt động chuyên nghiệp nhằm giúp đỡ cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng phục hồi hay tăng cường năng lực và chức năng xã hội để tạo ra những điều kiện xã hội cần thiết, giúp họ đạt được mục tiêu. Công tác xã hội thực hành bao gồm sự ứng dụng các giá trị, nguyên tắc, kỹ thuật của công tác xã hội nhằm giúp con người (Cá nhân, gia đình và nhóm cộng đồng) tiếp cận và được sử dụng những dịch vụ trợ giúp, tham vấn và trị liệu tâm lý. Nhân viên xã hội cung cấp dịch vụ xã hội, các dịch vụ sức khỏe và tham gia

vào các tiến trình trợ giúp pháp lý khi cần thiết. Để có thể thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong thực tiễn, người nhân viên xã hội đòi hỏi phải có kiến thức về hành vi con người, về sự phát triển của con người, về các vấn đề xã hội, về kinh tế và văn hóa và sự tương tác của chúng với nhau”

(National Association of Social Workers, Standards for Social Service Manpower, New York NASW, 1983 p 4-5)

Vai trò của CTXH là can thiệp vào cuộc sống của cá nhân, gia đình, nhóm người có cùng vấn đề, cộng đồng và các hệ thống xã hội nhằm hỗ trợ thân chủ đạt được sự thay đổi về mặt xã hội, giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ với con người và để nâng cao an sinh xã hội.

Để đạt được các điều này, ngành CTXH phải thực hiện các nhiệm vụ tham vấn, trị liệu, giáo dục, thương lượng, hòa giải, hỗ trợ, hoạch định và nghiên cứu. Tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể, ví dụ như tùy thuộc vào nhu cầu của người nhận dịch vụ và nguồn lực có được, cũng như tùy vào vai trò cụ thể của mình trong cơ quan, tổ chức mà NVCTXH sẽ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trên cũng như chọn phương pháp thực hiện phù hợp.

1.2. Các lý thuyết ứng dụng:

Người bán dâm là một phần của xã hội, họ cũng có nhu cầu và các quan hệ xã hội như bao con người bình thường khác. Chính vì vậy để có thể tìm hiểu về đời sống, nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng cũng như mối quan hệ giữa các thành viên khi tham gia Mô hình, tôi đã ứng dụng một số lý thuyết sau:

1.2.1. Thuyết nhu cầu

Abraham Maslow nhìn nhận con người theo hướng nhân đạo vì vậy lý thuyết của ông được xếp vào trường phái nhân văn hiện sinh. Ông cho rằng, con người cần được đáp ứng những nhu cầu cơ bản để tồn tại và phát triển, đó

là nhu cầu thể chất, nhu cầu an toàn, nhu cầu tình cảm xã hội (tình yêu thương), nhu cầu được tôn trọng và nhu cầu được hoàn thiện.

- Nhu cầu về vật chất, sinh lý: nhu cầu về đồ ăn, nước uống, không khí, nhu cầu về tình dục...Nhu cầu này được xem là nhu cầu cơ bản nhất trong 5 nhóm nhu cầu theo sự phân định của A.Maslow.

- Nhu cầu an toàn: Con người cần có một môi trường sống an toàn, sức khỏe để bảo đảm sự tồn tại của họ. Họ cần có nhà ở để tránh mưa, tránh nắng. Họ cần được khám chữa bệnh, được chăm sóc sức khỏe. Họ cần được sống trong môi trường được đảm bảo về an ninh để tính mạng của họ không bị đe dọa. Họ cần có môi trường sinh hoạt, vận động để không gây thương tích...

- Nhu cầu tình cảm xã hội: A.Maslow coi đó là nhu cầu thuộc về nhóm xã hội của con người, sự mong muốn được quan tâm của các thành viên trong nhóm xã hội (gia đình, người thân, bạn bè...). Sức mạnh của họ sẽ được nhân

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2000), *Đề án chương trình hành động phòng chống tệ nạn mại dâm giai đoạn 2000 - 2005*, Hà nội.
2. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tệ nạn mại dâm; cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy; tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về giai đoạn 2005- 2010*, Hà Nội.
3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2012 ”*Cơ sở Lý luận và thực tiễn xây dựng định hướng cho công tác phòng, chống tệ nạn xã hội đến năm 2020*”.

4. Cục Phòng chống Tệ nạn xã hội (Cục PCTNXH), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TB&XH) năm 2013 ”Đặc điểm di biến động của người hoạt động mại dâm nhìn từ góc độ giới”.
5. Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2003 Tâm lý của phụ nữ tham gia mại dâm chưa đến tuổi vị thành niên”.
6. Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội năm 2013 ”Đánh giá nhu cầu hỗ trợ người bán dâm và tình phù hợp với mô hình thí điểm từ năm 2011-2014”
7. Cục phòng, chống tệ nạn xã hội – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2013 ”Các nghiên cứu quốc tế về phòng, chống mại dâm”.
8. Cục phòng, chống tệ nạn xã hội – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội biên soạn năm 2014 *"Can thiệp giảm tác hại nhằm cải thiện tiếp cận và sử dụng dịch vụ sức khỏe sinh sản và HIV cho người bán dâm dành cho học viên và giảng viên"*
9. Cục phòng, chống tệ nạn xã hội 2014, *"Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng định hướng công tác phòng, chống tệ nạn xã hội đến 2020"*
10. Ngọc Hà (sưu tầm) (1999), "Một số vấn đề pháp luật đối với nạn mại dâm", Những vấn đề phòng chống tệ nạn mại dâm và ma túy - Bộ LĐTBXH - Cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Thu Hà, (2011), Hoạt động đào tạo nhân lực Công tác xã hội tại Việt Nam hiện nay, (Kỷ yếu hội thảo quốc tế 20 năm Khoa Xã hội học thành tựu và thách thức), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Vũ Quang Hào (chủ biên), (2006), Giáo trình Gia đình Việt Nam – Quan hệ, quyền lực và xu hướng biến đổi, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

13. Hội nghị triển khai đề án phát triển nghề Công tác xã hội trong Giáo dục Đại học giai đoạn 2013 – 2020, (tháng 12/2013), Bộ Giáo dục và đào tạo.
14. Hội thảo khoa học quốc tế nâng cao năng lực Công tác xã hội – chia sẻ kinh nghiệm về trách nhiệm đào tạo Công tác xã hội trước các vấn đề xã hội cấp bách của Việt Nam: Quan điểm quốc tế và trách nhiệm của Việt Nam (tháng 1/2014), Đại học Thăng Long.
15. Khuất Thu Hồng (1992), "Mại dâm: Lịch sử hình thành và phát triển, những giải pháp đã từng áp dụng", Kỷ yếu hội thảo khoa học đổi mới các chính sách xã hội nhằm khắc phục tệ nạn xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, Bộ Nội vụ -Tổng cục cảnh sát nhân dân, đề tài KX.04-14, Hà Nội, tr.38.
16. Khuất Thu Hồng (1992), Mại dâm - nghiên cứu lịch sử và so sánh, Viện xã hội học.
17. Nguyễn Hải Hữu (1992), "ảnh hưởng của tệ nạn mại dâm tới việc hình thành nhân cách con người Việt Nam, các giải pháp ngăn ngừa ảnh hưởng tiêu cực", Kỷ yếu hội thảo Một số vấn đề phương pháp luận: Nghiên cứu ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội đến sự hình thành nhân cách con người Việt Nam” Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07, đề tài KX-07-11, Hà Nội.
18. Đỗ Tiến Khang, Lê Thị Hà (1995), *Những đặc trưng tâm lý xã hội cơ bản của gái mại dâm*, Bộ LĐTBXH, Cục phòng chống tệ nạn xã hội – Viện KHLĐ&CVĐXH, Hà Nội.
19. Đặng Cảnh Khanh (2000) " Ngăn chặn nạn mại dâm vì môi trường xã hội lành mạnh và trong sáng cho thế hệ mai sau", *Mại dâm, quan điểm và giải pháp*, tài liệu tham khảo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Phòng Chống tệ nạn xã hội, tr16.

20. Nguyễn Ngọc Lâm, Công tác xã hội với cá nhân, tài liệu tập huấn
21. Nguyễn Thị Oanh, (1994), Công tác xã hội đại cương, Nxb Đại học Mở bán công, Tp. Hồ Chí Minh.
22. PGS.TS Lê Đức Phúc (1993), "Vấn đề phòng ngừa và đẩy lùi các tệ nạn xã hội", *Kỷ yếu hội thảo một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội đến sự hình thành nhân cách con người Việt Nam*, Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07, đề tài KX-07-11, Hà Nội.
23. Lê Thị Thục (1999), *Tác động của một số yếu tố kinh tế - xã hội đến việc hành nghề của gái mại dâm*, Luận văn tốt nghiệp cao học, Hà Nội, tr.18,19.
24. Lê Thế Tiêm (1993), "Thực trạng tệ nạn xã hội ở Việt Nam, nhân cách con người Việt Nam trước, trong và sau tệ nạn xã hội", *kỷ yếu hội thảo một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội đến sự hình thành nhân cách con người Việt Nam*", Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07, đề tài KX-07-11, Hà Nội.
25. Trang thông tin điện tử Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội thành phố Hải Phòng (<http://dsephaiphong.vn>)
26. Trung tâm Khu vực châu Á – Thái Bình Dương UNDP tháng 8 năm 2011 “Cơ sở pháp lý, quyền con người và phòng, chống HIV đối với người hành nghề mại dâm ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương”
27. Ủy ban quốc gia phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm, Bộ LĐTBXH (2001), *Báo cáo tổng kết công tác phòng chống tệ nạn mại dâm, cai nghiện và các vấn đề xã hội sau cai*, Hà Nội.

28. PGS.TS Lê Ngọc Văn, (tháng 7/2011), Giáo trình gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Gia đình và giới.
29. Faola Kelly (1993), "*Các biện pháp giải quyết nạn mại dâm tại TP HCM*", kỷ yếu hội thảo khoa học tại Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tháng 7/1993.
30. He Zhaofa (1996), "Vấn đề trừ bỏ bốn loại tệ nạn - từ góc nhìn xã hội học", *Tệ nạn xã hội căn nguyên - biểu hiện - phương thức khắc phục*. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Thông tin khoa học xã hội - Chuyên đề Hà Nội.
31. Janice G.Raymond – Giám đốc điều hành của Liên minh chống buôn bán phụ nữ (CATW)thuộc Hội đồng kinh tế xã hội Liên hợp Quốc “Mại dâm theo nhu cầu- hợp pháp hóa người mua dâm như khách hàng tình dục”
32. Tongxin (1996), *Về vấn đề phụ nữ phạm pháp, phạm tội trong cuốn tệ nạn xã hội căn nguyên - biểu hiện - phương thức khắc phục*. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia -Viện Thông tin khoa học xã hội - Chuyên đề Hà Nội.

